TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thưởng.

Bà Phạm Thị Thủy.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2023, về việc tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tường H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng P, sinh năm 1935. Vắng mặt.

2. Chị Triệu T, sinh năm 2006. Vắng mặt.

3. Anh Triệu Đ, sinh năm 2007. Vắng mặt.

4. Anh Triệu V, sinh năm 2010. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của chị Triệu Thu Trang, anh Triệu Đại Đạt, anh Triệu Đại Vĩ: Bà Trần N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, là người đại diện theo pháp luật (là mẹ đẻ). Vắng mặt.

5. Bà Thân T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Thân Thị Hương: Ông Tường H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 31/7/2023). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 3 năm 2023, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ông Triệu G sinh năm 1971 (chết năm 2021) là chồng của bị đơn bà Trần N. Trước đó do có quan hệ quen biết nên ngày 12/6/2019, ông Triệu G đến nhà nguyên đơn tại thôn N, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang hỏi vay 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) về xây nhà và sửa chữa quán hát. Để làm tin ông G có để lại cho nguyên đơn bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 072044, do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 31 tháng 01 năm 2008, cho hộ ông Triệu G và bà Trần N. Sau khi nói chuyện, nguyên đơn đồng ý cho ông Triệu G vay 160.000.000 đồng, không tính lãi và thỏa thuận đến ngày 10/8/2019 phải trả số tiền vay trên.

Đến hạn trả nợ ông Triệu G không trả tiền cho nguyên đơn và xin khất thêm thời gian. Sau nhiều lần đòi tiền không được ngày 22/8/2020, tại nhà ông G nguyên đơn và ông G lập "Giấy hẹn chả nợ", khi đó bà Trần N cũng có mặt, được đọc nội dung và ký tên vào "Giấy hẹn chả nợ" do nguyên đơn viết (ông G mắt kém nên nguyên đơn viết hộ). Hai bên thống nhất đến ngày 01/5/2021, ông G phải trả đủ số tiền vay.

Sau khi ông Triệu G chết cuối năm 2021, đầu năm 2022 nguyên đơn có đến nhà yêu cầu bà Trần N trả số tiền ông G nợ, bà N có trình bày hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và xin cho thời gian thu xếp tiền rồi trả nợ nhưng đến nay bà N vẫn chưa trả cho nguyên đơn được đồng nào.

Sau khi ông Triệu G chết, toàn bộ đất đai, nhà cửa, quán hát đều do bà Trần N quản lý sử dụng nên nguyên đơn yêu cầu bà N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền ông G vay 160.000.000đồng, nguyên đơn không yêu cầu trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn khai: Bị đơn không biết việc vay tiền như nguyên đơn trình bày. Đối với chữ ký trong "Giấy hẹn chả nợ" ngày 22/8/2020, bị đơn khẳng định không phải chữ ký của bị đơn. Bị đơn không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong "Giấy hẹn chả nợ". Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện trả số tiền 160.000.000 đồng của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn không hợp tác nên không có văn bản trình bày ý kiến. Bà Thân T nhất trí với trình bày của nguyên đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn, người liên quan đứng về phía bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 615 Bộ luật Dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Trần N trả số tiền 160.000.000 đồng cho ông Tường H, trong phạm vi di sản ông Triệu G để lại; ông Tường H có trách nhiệm trả bà Trần N, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 072044 ngày 31 tháng 01 năm 2008 (bản gốc). Về án phí áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, buộc bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bà Thân T, bà Trần N, bà Đặng P, chị Triệu T, anh Triệu Đ, anh Triệu V. Xét thấy, những người vắng mặt có người đại diện hoặc đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do đó căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

[2] Về việc vay mượn tiền: Xét thấy, lời khai của nguyên đơn phù hợp với "Giấy hẹn chả nợ" ngày 22/8/2020, có chữ ký của ông Triệu G (chết năm 2021); phù hợp với việc hiện nay nguyên đơn đang cầm giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 072044, do Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng cấp ngày 31 tháng 01 năm 2008, cho hộ ông Triệu G và bà Trần N. Do đó, có căn cứ khi còn sống ông Triệu G (chết năm 2021) được vay số tiền 160.000.000 đồng của nguyên đơn ông Tường H.

[3] Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã M, thể hiện: Ông Triệu G sinh ngày 17/5/1971, đã chết vào hồi 13 giờ 18 phút ngày 29/8/2021. Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế thứ nhất: Ông Triệu G có bố Triệu H (chết năm 1990), mẹ Đặng P sinh năm 1935, vợ Trần N sinh năm 1980 và 03 người con: Triệu T sinh năm 2006, Triệu Đ sinh năm 2007, Triệu V sinh năm 2010.

[4] Về phần tài sản của ông Triệu G (chết năm 2021), qua xác minh tại địa phương thể hiện: Ông Triệu G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất tại thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, gồm: Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 54, diện tích 122m^2 và thửa đất số 02, tờ bản đồ số 54, diện tích 2.666m^2, cả 02 thửa đất này đều đã được Ủy ban nhân dân huyện H, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 31 tháng 01 năm 2008, cho hộ ông Triệu G, bà Trần N. Các thửa đất trên hiện nay đều do bà Trần N đang quản lý, sử dụng.

[5] Từ những phân tích ở trên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Trần N là người đang quản lý di sản (chưa được chia) phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Triệu G (chết năm 2021) để lại, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 072044 ngày 31 tháng 01 năm 2008, của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Triệu G, bà Trần N, do ông Tường H đang cầm giữ nên ông H phải trả lại cho bà N.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357; Điều 463; Điều 468; Điều 612; Điều 614; Điều 615; Điều 616 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trần N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Tường H, với số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng), trong phạm vi di sản ông Triệu G (chết năm 2021) để lại, gồm:

1.1. Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 54, diện tích 122m^2, địa chỉ thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện H, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 072044, ngày 31 tháng 01 năm 2008, cho hộ ông Triệu G, bà Trần N.

1.2. Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 54, diện tích 2.666m^2, địa chỉ thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện H, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 072120, ngày 31 tháng 01 năm 2008, cho hộ ông Triệu G, bà Trần N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Ông Tường H trả bà Trần N, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 072044 ngày 31 tháng 01 năm 2008, của Ủy ban nhân dân huyện H cấp cho hộ ông Triệu G, bà Trần N.

3. Về án phí:

3.1. Bà Trần N phải chịu 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp Ngân sách nhà nước.

3.2. Trả lại ông Tường H số tiền tạm ứng án phí 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) đã nộp, theo biên lai số: AA/2021/0004534 ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Hải Đoàn